



lǎo chǔ nǚ

老处女

noun · old maid, spinster

Example Sentences

Tā sì shí suì hái méi jié hūn yǒu rén jiào tā lǎo chǔ nǚ
她四十岁还没结婚，有人叫她老处女。

She's forty and still unmarried; some people call her an old maid.

Zhè zhǒng lǎo chǔ nǚ de chēng hū qí shí hěn bù zūn zhòng rén
这种老处女的称呼其实很不尊重人。

This kind of 'old maid' label is actually very disrespectful.

Trace each character, then write the word on your own.

老	老	老	老	老	老	老	老	老		
处	处	处	处	处	处	处	处			
女	女	女	女	女	女					